

## PHỤ LỤC SỐ 04

### BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

### BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

**Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHÍNH HÀ NỘI**

**Năm báo cáo: 2019**

#### I. Thông tin chung

##### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHÍNH HÀ NỘI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100102446 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 29/8/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 19/11/2015.
- Vốn điều lệ: 28.800.000.000 đồng (Hai mươi tám tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 0
- Địa chỉ: Số 9B đường Nguyễn Hồng, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội;
- Số điện thoại: 024.37735170 - 024.37722973 - 024.37722976;
- Số fax: 024.37735170
- Website: [www.hcsc.com.vn](http://www.hcsc.com.vn); [www.hcsc.vn](http://www.hcsc.vn)
- Mã cổ phiếu: DCH

##### *Quá trình hình thành và phát triển từ khi thành lập đến nay:*

Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội tiền thân là Xí nghiệp Đo đạc bản đồ được thành lập theo quyết định số 2503/QĐ-UB ngày 11/6/1986 của UBND Thành phố Hà Nội thuộc Sở Quản lý ruộng đất Hà Nội;

Ngày 20/10/1992 đổi tên thành Công ty Đo đạc Địa chính Hà Nội theo quyết định số 2522/QĐ-UB ngày 20/10/1992 của UBND Thành phố Hà Nội;

Ngày 24/1/1998 đổi tên thành Công ty Địa chính Hà Nội theo quyết định số 456/QĐ-UB ngày 24/1/1998 của UBND Thành phố Hà Nội, trực thuộc Sở Địa chính Hà Nội (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội);

Ngày 28/6/2006 đổi tên thành Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên Địa chính Hà Nội theo quyết định số 110/2006/QĐ-UBND ngày 28/6/2006 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội;



Ngày 25/7/2011 đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên Địa chính Hà Nội theo quyết định số 3453/QĐ-UBND ngày 25/7/2011 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội;

Ngày 29/9/2015 đổi tên thành Công ty cổ phần Địa chính Hà Nội theo quyết định số 4879/QĐ-UBND ngày 29/9/2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội;

Giấy đăng ký kinh doanh số 0100102446 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/8/2006 và thay đổi lần thứ 3 ngày 19/11/2015;

Vốn điều lệ khi chuyển sang Công ty cổ phần là 28.800.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi tám tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn).

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký số 220/2017/GCNCP-VSD ngày 05/12/2017, đăng ký lưu ký 2.880.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Địa chính Hà Nội, với mã chứng khoán là DCH.

Ngày 16/4/2018 Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, ban hành Thông báo số 350/TB-SGDHN về ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu đăng ký giao dịch của Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội (mã chứng khoán DCH), ngày giao dịch đầu tiên, ngày 23/4/2018.

- Các sự kiện khác: trở thành Công ty đại chúng ngày 04/10/2017.

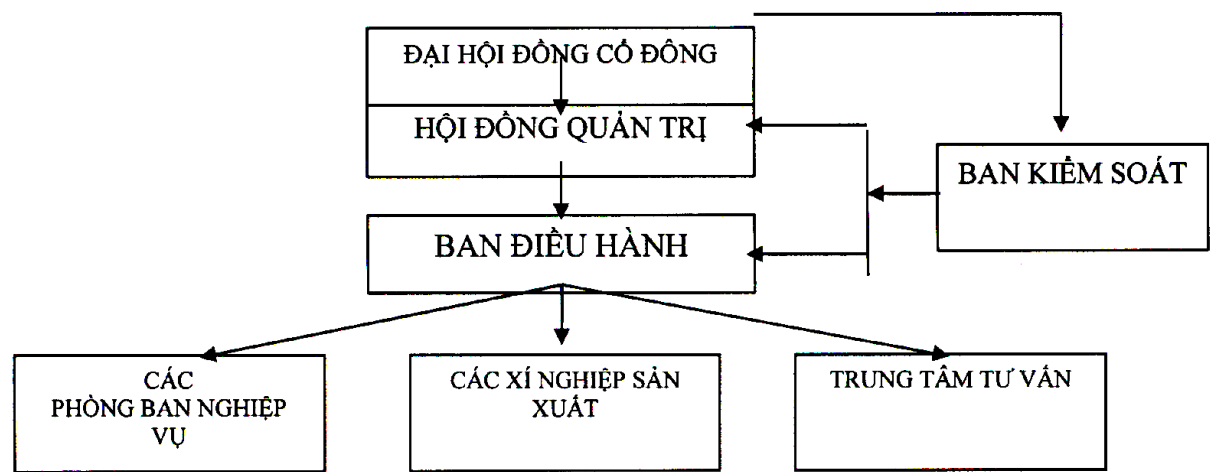
## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chính: Đo đạc lập bản đồ địa chính, bản đồ địa hình, xác định mốc giới giao đất; tư vấn về địa chính, làm các dịch vụ có liên quan tới nhà, đất trong công tác địa chính; Cung cấp các dịch vụ liên quan đến công tác bảo vệ môi trường ...

- Địa bàn kinh doanh: Thành phố Hà Nội và các tỉnh lân cận.

## 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị:



- Cơ cấu bộ máy quản lý: Ban Điều hành, 4 phòng chuyên môn nghiệp vụ và các Xí nghiệp Đo đạc bản đồ, Trung tâm Tư vấn Địa chính.

Bộ máy gián tiếp: gồm các phòng chuyên môn nghiệp vụ có chức năng tham mưu giúp việc cho Ban Điều hành Công ty trong việc quản lý điều hành sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty.

- Các Xí nghiệp sản xuất trực tiếp thực hiện nhiệm vụ sản xuất của Công ty.
- Các công ty con, công ty liên kết: không có

#### 4. Định hướng phát triển:

- Định hướng phát triển của Công ty là dựa trên nền tảng phát triển – gia tăng giá trị. Ổn định và phát triển những gì đã có - gia tăng các giá trị về chất lượng sản phẩm và giá trị lợi nhuận.

- Nâng cao năng lực, tăng khả năng cạnh tranh của Công ty cổ phần, đưa Công ty cổ phần phát triển bền vững.

- Phát huy tính năng động, sáng tạo của tập thể cán bộ công ty trong công tác tìm kiếm thông tin dự án, công tác đấu thầu; nắm bám các dự án có nguồn vốn lành mạnh, các dự án của địa phương nhằm ổn định nguồn thu của Công ty.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án "Trụ sở làm việc, văn phòng cho thuê" tại phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy.

- Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh nhằm tối đa hoá lợi nhuận có thể có được của Công ty, nâng cao giá trị Công ty và không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động và làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

- Xác định con người là sức mạnh cốt lõi, Công ty luôn chú trọng đào tạo phát triển nguồn nhân lực sẵn có và có chính sách thu hút nguồn nhân lực bên ngoài để đáp ứng yêu cầu trong sản xuất kinh doanh.

- Ngoài yếu tố con người cần tập trung đầu tư máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ hiện đại là nền tảng để tạo ra những sản phẩm, công trình có chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu ngày càng khắt khe về chất lượng của đối tác.

- Tiếp tục phát huy thế mạnh của Công ty trong lĩnh vực Đo đạc thành lập bản đồ địa hình, cắm mốc, đo đạc địa chính, tư vấn địa chính, đánh giá tác động môi trường. Ngoài ra mở rộng phát triển lĩnh vực xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính, đo đạc công trình.

- Không ngừng xây dựng và phát triển thương hiệu và uy tín của Công ty trên thị trường.

- Phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế, nguồn lực sẵn có; chú trọng ứng dụng tối đa khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ; đổi mới cơ chế quản lý, tăng tính chủ động sáng tạo cho các đơn vị; kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn để giảm giá thành nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

5. Các rủi ro: Thay đổi về chính sách quản lý đất đai, đo đạc bản đồ.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội thực hiện nhiều các chương trình đo đạc lập bản đồ hiện trạng, bản đồ địa chính các tỷ lệ, cắm mốc giới quy hoạch cho các tuyến đường giao thông, thủy lợi, trích đo thửa đất phục vụ GPMB, cắm mốc giới giao đất các dự án phục vụ công tác GPMB, lập quy hoạch chi tiết của các công trình trọng điểm của Thành phố Hà Nội cũng như cho các đơn vị có nhu cầu trên địa bàn thủ đô Hà Nội và các tỉnh lân cận...

\* Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2019.

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Ghi chú
Tổng giá trị tài sản	39.639.992.218	
Vốn chủ sở hữu	32.630.470.115	
Doanh thu thuần	22.845.766.832	
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	1.661.519.359	
Lợi nhuận khác	342.395.312	
Tổng lợi nhuận trước thuế	2.003.914.671	
Lợi nhuận sau thuế	1.488.251.523	
Giá trị sổ sách	11.330	

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 của Công ty CP Địa chính Hà Nội)

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 đã được kiểm toán.

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019	Kết quả SXKD năm 2019	Ghi chú
Tổng doanh thu	24.000.000.000	24.456.284.348	
Tổng chi phí	22.320.000.000	22.452.200.867	
Lãi trước thuế	1.680.000.000	2.003.914.671	
Lãi sau thuế	1.344.000.000	1.488.251.523	
Nộp ngân sách	2.833.834.104	2.888.41.0818	
Quỹ PL KT	211.200.000	326.601.218	
Quỹ ĐT PT	268.800.000	297.650.305	
Lãi chia cổ tức	864.000.000	864.000.000	300đ/CP

Nguồn: Nghị quyết HĐQT ngày 18/3/2020, Công ty cổ phần Địa chính Hà Nội

\*Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên:

Một số nguyên nhân doanh thu tăng cao hơn so với kế hoạch 2019

+ Một số hợp đồng đã thực hiện từ trước năm 2019 nhưng 2019 mới nghiệm thu thanh lý và thanh quyết toán hợp đồng, công ty viết doanh thu trả hoá đơn cho chủ đầu tư với kinh phí khoảng 5,2 tỷ đồng

+ Một số hợp đồng chủ đầu mới tạm ứng, sản phẩm còn dở dang công ty đã phải viết hoá đơn theo yêu cầu Cục thuế Hà Nội kinh phí khoảng 4,6 tỷ đồng (HĐ từ trước 2019)

+ Một số hợp đồng ký 2019 nhưng sản phẩm đến 2/2020 còn đang hoàn thiện, Chủ đầu tư đề nghị viết doanh thu vào năm 2019 kinh phí khoảng 1,9 tỷ đồng.

## 2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban Điều hành tại thời điểm tháng 1/2020

TT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Nguyễn Đức Việt	Phó Tổng Giám đốc	
2	Bùi Tô Châu	Phó Tổng Giám đốc	
3	Đào Thị Ngọc Phượng	Kế toán trưởng	

2.1 Ông Nguyễn Đức Việt - thành viên Hội đồng Quản trị - Phó Tổng Giám đốc Công ty

- Sinh ngày 02/3/1969

- Số chứng minh thư nhân dân: 011393851
  - Ngày cấp 27/9/2011, nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội
  - Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 23, Tổ 38 - phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
  - Trình độ văn hoá: 12/12
  - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Quản lý đất đai
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
6/1991-7/1998	Công ty Địa chính Hà Nội	KTV Đo đạc
8/1998 - 3/2004	Công ty Địa chính Hà Nội	NV Trung tâm Tư vấn
4/2004- 10/2008	Công ty Địa chính Hà Nội	TP KTTT
11/2008 - 10/2015	Công ty TNHH một thành viên Địa chính Hà Nội	Phó Tổng Giám đốc
8/2015 đến nay	Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội	Thành viên HĐQT
11/2015- nay	Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội	Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Địa chính Hà Nội.

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty khác: không

- Số cổ phần sở hữu nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: 148.200 cổ phần, trong đó:

+ Đại diện sở hữu (cổ phần được uỷ quyền, đại diện UBND Thành phố Hà Nội tại Công ty): 144.000 cổ phần, chiếm 5 % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 4.200 cổ phần, chiếm 0,1458% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ của những người có

liên quan: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Hưởng lương theo chế độ và thù lao UV HĐQT

2.2 Ông Bùi Tô Châu - thành viên Hội đồng Quản trị - Phó Tổng Giám đốc Công ty

- Sinh ngày 16/7/1961
  - Quê quán: Đông Sơn - Đông Hưng - Thái Bình
  - Hộ khẩu thường trú: số 2B A3 TT Đại học Xây dựng, phường Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội
  - Giấy CMND số: 011438413, cấp ngày 12/10/2005 tại Công an Hà Nội
  - Trình độ văn hoá: 10/10
  - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Trắc địa Mỏ
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
3/1987- 6/1991	Công ty than Cẩm phả Quảng Ninh, Mỏ than Cao Sơn	Cán bộ kỹ thuật, phòng Trắc địa
7/1991 - 2/1993	Công ty than Cẩm phả Quảng Ninh, Mỏ than Cao Sơn	Cán bộ kỹ thuật, phòng KCS
3/1993- 8/1994	Công ty than Cẩm phả Quảng Ninh, Mỏ than Cao Sơn	Phó phòng KCS
9/1994- 4/1999	Công ty than Cẩm phả Quảng Ninh, Mỏ than Cao Sơn	Trưởng phòng KCS
5/1999 - 5/2008	Công ty Địa chính Hà Nội	Đội trưởng Đội đo số 1
6/2008- 10/2015	Công ty TNHH một thành viên Địa chính Hà Nội	Phó Tổng Giám đốc
11/2015 nay	Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội	Phó Tổng Giám đốc
05/2019 nay	Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội	Thành viên HĐQT

- Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Địa chính Hà Nội.

- Chức vụ tại các tổ chức khác: không
- Số cổ phần sở hữu nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: 148.100 cổ phần, trong đó:

+ Đại diện sở hữu (cổ phần được uỷ quyền, đại diện UBND Thành phố Hà Nội tại Công ty): 144.000 cổ phần, chiếm 5% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 4.100 cổ phần, chiếm 0,142% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Hưởng lương theo chế độ và thù

lao UV HĐQT

2.3 Bà Đào Thị Ngọc Phượng – Kế toán trưởng

- Sinh ngày 01/5/1982
- Quê quán: phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.
- Hộ khẩu thường trú: Ngõ 72 đường Cầu Diễn - Bắc Từ Liêm - thành phố Hà Nội.
- Giấy CMND số: 001182000906, cấp ngày 12/8/2013 tại Công an Hà Nội
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
4/2004 - 12/2014	Trung tâm Dịch vụ xổ số, Tư vấn và Du lịch, UBND Quận Cầu Giấy	Chuyên viên Phòng Kế toán
1/2015 - 10/2015	Công ty TNHH Một thành viên Địa chính Hà Nội	Phó phòng TCKT
11/2015- nay	Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội	Kế toán trưởng

- Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội
- Chức vụ tại các tổ chức khác: không
- Số cổ phần sở hữu nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: 120.960 cổ phần, trong đó:

+ Đại diện sở hữu (cổ phần được uỷ quyền, đại diện UBND Thành phố Hà Nội tại Công ty): 120.960 cổ phần, chiếm 4,2% Vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Hưởng lương theo chế độ

- Những thay đổi trong HĐQT và Ban kiểm soát:

+Bà Vũ Thị Kim Dung - Ủy viên Hội đồng Quản trị miễn nhiệm ngày 10/5/2019.

+Ông Bùi Tô Châu - Ủy viên Hội đồng Quản trị bổ nhiệm ngày 10/5/2019

+Bà Doãn Thị Lan – Trưởng Ban kiểm soát miễn nhiệm ngày 10/5/2019.

+Ông Trần Hoài Giang – Trưởng Ban kiểm soát bổ nhiệm ngày 10/5/2019.

- Số lượng cán bộ, nhân viên hiện có: Tổng số CBCNV hiện đang làm việc tại Công ty số 9B đường Nguyễn Hồng, phường Thành Công, quận Ba Đình,



thành phố Hà Nội gồm 105 người, tại thời điểm tháng 3/2020.

- Chế độ làm việc: Thời gian làm việc thực hiện theo qui định của Luật Lao động. Người lao động được trang bị máy móc, thiết bị ... phù hợp với từng vị trí công việc.

- Chính sách lương - thưởng: Việc trả lương, trả thưởng thực hiện theo quy chế tiền lương, tiền thưởng của Công ty theo mức độ hoàn thành và mức độ phức tạp của công việc. Căn cứ các quy định của pháp luật về lao động, kế hoạch sản xuất kinh doanh và tình hình cụ thể của quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty xây dựng chế độ lương, thưởng thích hợp để kích thích, tạo động lực cho người lao động.

- Chính sách lao động: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng qui định của pháp luật. Hàng năm Công ty tổ chức cho Người lao động trong Công ty đi thăm quan dã ngoại từ 3 đến 5 ngày để tạo không khí phấn khởi cho người lao động.

- Chính sách tuyển dụng và đào tạo: Công ty tuyển dụng lao động từ nhiều nguồn khác nhau, chủ yếu là các kỹ sư, cử nhân có chuyên ngành được đào tạo đúng về quản lý đất đai, địa chính, trắc địa bản đồ ... Ngoài ra Công ty tổ chức đào tạo tại chỗ, sát với thực tế nhiệm vụ người lao động được giao. Công ty tạo điều kiện cho số CBCNV có nguyện vọng đi học văn bằng II, học tại chức tại một số trường Đại học uy tín vào ngoài giờ hành chính để nâng cao trình độ chuyên môn. Mục tiêu chung sau giai đoạn đào tạo người lao động có trình độ chuyên môn nhất định, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ Công ty giao.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: không có.

b) Các công ty con, công ty liên kết: không có.

### 4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	47.782.278.663	39.639.992.218	giảm 17%
Doanh thu thuần	26.911.047.152	22.845.766.832	giảm 15%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.623.738.376	1.661.519.359	giảm 37%
Lợi nhuận khác	(69.742.701)	342.395.312	
Lợi nhuận trước thuế	2.553.995.675	2.003.914.671	giảm 21%

Lợi nhuận sau thuế	2.043.196.540	1.488.251.523	giảm 27%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	3,5%	3%	giảm 14%

*b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:*

<b>Chỉ tiêu/ Benchmarks</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,265 lần	2,483 lần	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1,139 lần	2,327 lần	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,316 lần	0,176 lần	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,462 lần	0,215 lần	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	10,816 vòng	16,589 vòng	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,563 lần	0,576 lần	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	7,592%	6,514%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	6,250%	4,561%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	4,276%	3,754%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	9,750%	7,273%	

*5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.*

a) Cổ phần:

- Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch: 2.880.000 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký giao dịch: 356.000 CP, cụ thể:

TT	Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	Đối tượng, chính sách và thời gian cụ thể với từng đối tượng nắm giữ CP hạn chế chuyển nhượng
1	312.500	Các cổ đông là thành viên Hội đồng Quản trị, bị hạn chế chuyển nhượng theo qui định của Điều lệ Công ty, (trong đó có 3 cổ đông đồng thời hạn chế chuyển nhượng theo thời gian cam kết làm việc tại Công ty, thời điểm bắt đầu từ ngày 19/11/2015.
2	43.500	Các cổ đông là cán bộ công nhân viên hạn chế chuyển nhượng theo qui định tại NĐ 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011, bị hạn chế chuyển nhượng theo thời gian cam kết làm việc, thời điểm bắt đầu từ ngày 19/11/2015
<b>Tổng</b>	<b>356.000</b>	

*Nguồn: Công ty CP Địa chính Hà Nội*

- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư 123 ngày 19/8/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

- Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 12/4/2019, Công ty không có nhà đầu tư nước ngoài sở hữu cổ phần của Công ty.

b) Cơ cấu cổ đông:

- Cơ cấu cổ đông: tại thời điểm ngày 12/4/2019

TT	Cổ đông	Số lượng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/ Vốn điều lệ
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	117	2.880.000	100%
1	Tổ chức	2	2.308.200	80,146 %
2	Cá nhân	115	571.800	19,854%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	0	0	-
	<b>Cộng</b>	<b>117</b>	<b>2.880.000</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 17/4/2019 của Công ty CP Địa chính Hà Nội*

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không
- e) Các chứng khoán khác: không

#### 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

##### 6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.
- b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

##### 6.2. Tiêu thụ năng lượng:

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Lượng điện tiêu thụ trong năm 2019 là 36.918 KW
- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

##### 6.3. Tiêu thụ nước:

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:
  - + Nguồn cung cấp nước sạch: Công ty TNHH MTV nước sạch Hà Nội;
  - + Lượng nước sử dụng trong năm 2019 là 1.781 m<sup>3</sup>
- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

##### 6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *không*
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

##### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.
  - + Số lượng lao động hiện có: tại thời điểm tháng 3/2020 tổng số CBCNV hiện đang làm việc tại Công ty số 9B đường Nguyễn Hồng, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội là 105 người.
  - + Mức lương bình quân năm 2019: 12.633.000đ/người/tháng
- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

+ Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

+ Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc**

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây: kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 đạt so với kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2019

Đơn vị: đồng

TT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/Nguyên giá (%)
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>14.391.255.949</b>	<b>5.626.900.578</b>	<b>39,10</b>
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	8.135.272.727	5.034.953.674	61,89
2	Máy móc, trang thiết bị	4.338.273.265	399.344.496	9,21
3	Phương tiện vận tải truyền dẫn	1.917.709.957	192.602.409	10,04
	<b>Cộng</b>	<b>14.391.255.949</b>	<b>5.626.900.578</b>	<b>39,10</b>

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2019 của Công ty CP Địa chính Hà Nội)

- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>13.107.978.845</b>
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*</i>	<i>13.107.978.845</i>
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.107.978.845</b>

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2019 của Công ty CP Địa chính Hà Nội)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang nêu trên là số tiền Công ty chi trả công tác bồi thường, GPMB khu đất của Công ty tại phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

\* Diện tích đất đai Công ty đang quản lý:

TT	Địa chỉ	Diện tích (m2)	Thời gian (năm)	Mục đích sử dụng	Thời điểm kết thúc	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
1	Số 9B đường Nguyễn Hồng, P Thành Công, q Ba Đình, TP Hà Nội	264	40	Trụ sở làm việc	21/4/2043	BT 555069
2	P Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, tp Hà Nội	1.998	50	Trụ sở làm việc kết hợp Văn phòng cho thuê	28/12/2059	CK 299815

Nguồn: Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội

#### b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

\* Thanh toán các khoản nợ đến hạn: Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ đến hạn. Tại thời điểm 31/12/2019 Công ty không có nợ quá hạn.

\* Các khoản phải nộp theo luật định: Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế, phí, lệ phí khác theo quy định của Nhà nước.

- Thuế giá trị gia tăng: Công ty áp dụng mức thuế suất 10%

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty áp dụng mức thuế suất 20%

\* Trích lập các quỹ theo luật định: Công ty thực hiện trích lập các quỹ dựa trên cơ sở lợi nhuận hàng năm và kế hoạch phát triển của Công ty theo đúng Điều lệ Công ty và luật định. Mức trích lập cụ thể cho từng năm sẽ do Đại hội

đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị.

\* Tổng dư nợ vay: Theo BCTC đã được kiểm toán năm 2019, tại thời điểm ngày 31/12/2019, Công ty không phát sinh dư nợ vay tại các tổ chức tín dụng, ngân hàng.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.*

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai*

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:*

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính ngày 31/12/2019, Công ty đã gửi đầy đủ tới chủ đầu tư thư xác nhận số dư đối với khoản mục phải thu khách hàng với giá trị là: 4.576.679.098 đồng; khoản mục người mua trả tiền trước với giá trị là: 5.643.987.120 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm kiểm toán, các thư xác nhận này chưa được các chủ đầu tư gửi phản hồi lại đầy đủ. Do đó, Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam đã áp dụng các thủ tục kiểm toán thay thế nhưng các thủ tục này không cung cấp được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến các khoản mục này. Công ty cổ phần Địa chính Hà Nội cam kết Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty*

a. *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường*

b. *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động*

c. *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương*

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty cổ phần**

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty,*

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:* Ban điều hành Công ty đã nghiêm túc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh do UBND Thành phố Hà Nội giao và HĐQT đã đề ra: kinh doanh có lãi, bảo toàn được phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

- Định hướng phát triển của Công ty là dựa trên nền tảng phát triển – gia tăng giá trị. Ổn định và phát triển những gì đã có - gia tăng các giá trị về chất lượng sản phẩm và giá trị lợi nhuận.

- Nâng cao năng lực, tăng khả năng cạnh tranh của Công ty cổ phần, đưa Công ty cổ phần phát triển bền vững.

- Phát huy tính năng động, sáng tạo của tập thể cán bộ công ty trong công tác tìm kiếm thông tin dự án, công tác đấu thầu; nắm bắt các dự án có nguồn vốn lành mạnh, các dự án của địa phương nhằm ổn định nguồn thu của Công ty.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án "Trụ sở làm việc, văn phòng cho thuê" tại phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy.

- Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh nhằm tối đa hoá lợi nhuận có thể có được của Công ty, nâng cao giá trị Công ty và không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động và làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

- Tiếp tục phát huy thế mạnh của Công ty trong lĩnh vực Đo đạc thành lập bản đồ địa hình, cắm mốc, đo đạc địa chính, tư vấn địa chính, đánh giá tác động môi trường. Ngoài ra mở rộng phát triển lĩnh vực xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính, đo đạc công trình.

- Không ngừng xây dựng và phát triển thương hiệu và uy tín của Công ty trên thị trường.

- Phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế, nguồn lực sẵn có; chú trọng ứng dụng tối đa khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ; đổi mới cơ chế quản lý, tăng tính chủ động sáng tạo cho các đơn vị; kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn để giảm giá thành nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

## **V. Quản trị công ty**

### *1. Hội đồng quản trị.*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- Đại hội Đồng cổ đông ngày 10/5/2019 đã thông qua điều lệ Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị hiện tại của Công ty gồm các thành viên:

TT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Nguyễn Đức Hào	Chủ tịch HĐQT	Không điều hành
2	Lê Minh Thành	UV HĐQT	Không điều hành



3	Bùi Thị Minh Diệu	UV HĐQT	Không điều hành
4	Bùi Tô Châu	UV HĐQT	Điều hành
5	Nguyễn Đức Việt	UV HĐQT	Điều hành

Nguồn: Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội

### 1.1 Ông Nguyễn Đức Hào - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT, Công ty cổ phần Địa chính Hà Nội

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty khác: không

- Số cổ phần sở hữu nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: 1.168.900 cổ phần, trong đó:

+ Đại diện sở hữu (cổ phần được uỷ quyền, đại diện cho UBND Thành phố Hà Nội tại Công ty): 1.152.000 cổ phần chiếm 40% Vốn điều lệ.

+ Cá nhân sở hữu: 16.900 cổ phần chiếm 0,586% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ của những người có

0 cổ phần

liên quan:

Các khoản nợ đối với công ty

không

Thù lao và các khoản lợi ích khác

Hưởng lương theo chế độ

và thù lao CT HĐQT

### 1.2 Ông Lê Minh Thành - Thành viên Hội đồng Quản trị

- Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần 18-4 Hà Nội

- Số cổ phần sở hữu nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: 0 cổ phần, trong đó:

+ Đại diện sở hữu (cổ phần được uỷ quyền): 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

Số cổ phần nắm giữ của những người có

0 cổ phần

liên quan:

Các khoản nợ đối với công ty:

Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác

Hưởng thù lao UV HĐQT

### 1.3 Bà Bùi Thị Minh Diệu - Thành viên Hội đồng Quản trị

- Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT, Công ty cổ phần Địa chính Hà Nội

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty khác: không

- Số cổ phần sở hữu nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: 288.000 cổ phần, trong đó:

+ Đại diện sở hữu (cổ phần được uỷ quyền): 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 288.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ của những người có  
liên quan 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với công ty Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác Hưởng thù lao UVHĐQT

#### **1.4 Ông Bùi Tô Châu - Thành viên Hội đồng Quản trị - Phó Tổng Giám đốc Công ty**

- Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Địa chính Hà Nội.

- Chức vụ tại các tổ chức khác: không

- Số cổ phần sở hữu nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: 148.100 cổ phần, trong đó:

+ Đại diện sở hữu (cổ phần được uỷ quyền, đại diện UBND Thành phố Hà Nội tại Công ty): 144.000 cổ phần, chiếm 5% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 4.100 cổ phần, chiếm 0,142% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ của những người có  
liên quan 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác Hưởng lương theo chế độ và thù lao UV HĐQT

#### **1.5 Ông Nguyễn Đức Việt - Thành viên Hội đồng Quản trị - Phó Tổng Giám đốc Công ty**

- Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Địa chính Hà Nội.

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty khác: không

- Số cổ phần sở hữu nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: 148.200 cổ phần, trong đó:

+ Đại diện sở hữu (cổ phần được uỷ quyền, đại diện UBND Thành phố Hà Nội tại Công ty): 144.000 cổ phần, chiếm 5 % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 4.200 cổ phần, chiếm 0,1458% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ của những người có  
liên quan: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Hưởng lương theo chế độ và  
thù lao UV HĐQT

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: *Không có*

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2019, Hội đồng Quản trị Công ty đã tiến hành họp 4 phiên. Tại các phiên họp Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ và đã ra các nghị quyết để chỉ đạo, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Phiên thứ nhất họp vào ngày 22/3/2019, cuộc họp đã ra Nghị quyết thông qua tờ trình của Ban Điều hành về kết quả SXKD năm 2018, phân chia các quỹ theo kết quả SXKD năm 2018, thông qua KH SXKD năm 2019, kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, ban KS năm 2019, lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019, tạm ứng chi trả cổ tức năm 2018 tỷ lệ 3,5 % tương đương 350 đ/CP, thông qua kế hoạch Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019.

+ Phiên thứ hai họp vào ngày 26/6/2019, cuộc họp đã ra Nghị quyết thông qua việc xin điều chỉnh giấy CN Đầu tư khu đất tại Dịch Vọng và kế hoạch thoái vốn nhà nước tại Công ty.

+ Phiên thứ ba họp ngày 27/9/2019, cuộc họp đã ra Nghị quyết thông qua kết quả sơ bộ SXKD 6 tháng đầu năm 2019, lựa chọn đơn vị tư vấn thoái vốn nhà nước tại Công ty và đơn vị thẩm định giá phục vụ thoái vốn nhà nước tại Công ty theo chỉ đạo của UBND Thành phố tại công văn số: 3778/UBND-KT ngày 03/9/2019 và công văn số 5961/STC-TCDN ngày 09/09/2019 của Sở Tài chính Hà nội.

+ Phiên thứ tư họp ngày 26/12/2019, cuộc họp đã ra Nghị quyết thông qua Báo cáo sơ bộ kết quả SXKD năm 2019.

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 được tổ chức ngày 10/5/2019, tại Đại hội đã thông qua KH SXKD theo chỉ tiêu được UBND Thành phố giao tại quyết định số : 2277/QĐ-UBND ngày 08/5/2019 và các nội dung đã được HĐQT thông qua tại phiên họp quý I/2019 ngày 22/3/2019.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Chưa có

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

-Đại hội Đồng cổ đông ngày 10/5/2019 đã thông qua điều lệ Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát. Ban kiểm soát hiện tại của Công ty gồm các thành viên:

TT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Trần Hoài Giang	Trưởng ban Kiểm soát	
2	Nguyễn Minh Đức	Thành viên Ban kiểm soát	
3	Ngô Thị Hồng Diên	Thành viên Ban kiểm soát	

### **2.1 Ông Trần Hoài Giang - Trưởng ban kiểm soát**

- Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty khác: không

- Tổng số cổ phần nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: 3.100 cổ phần, trong đó:

+ Đại diện sở hữu (cổ phần được uỷ quyền): 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 3.100 cổ phần, chiếm 0,108% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ của những người

có liên quan:

Các khoản nợ đối với công ty

Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác

Hưởng thù lao Trưởng ban kiểm soát

### **2.2 Ông Nguyễn Minh Đức - Thành viên Ban Kiểm soát**

- Chức vụ hiện tại: UV Ban Kiểm soát, Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội

- Chức vụ tại các tổ chức khác: Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó phòng Thu hồi công nợ, Công ty Cổ phần 18 - 4.

- Tổng số cổ phần nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: 0 cổ phần

Số cổ phần nắm giữ của những người

có liên quan

Các khoản nợ đối với công ty

Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác

Hưởng thù lao UV Ban kiểm soát

### **2.3 Bà Ngô Thị Hồng Diên - Thành viên Ban Kiểm soát**

- Chức vụ hiện tại: UV Ban Kiểm soát, Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty khác: không

- Số cổ phần sở hữu nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: 1.600 cổ phần, trong đó:

+ Đại diện sở hữu (cổ phần được uỷ quyền): 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 1.600 cổ phần, chiếm 0,055% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ của những người 0 cổ phần

có liên quan

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác Hưởng thù lao UV Ban KS

#### b)Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019

Thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Địa chính Hà Nội, Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện những công việc sau:

- Tham gia vào các cuộc họp của Hội đồng quản trị, cuộc họp giao ban, điều hành sản xuất của Công ty.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán thống kê và lập báo cáo tài chính.

- Giám sát việc thực hiện pháp luật hiện hành, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết họp thường kỳ của Hội đồng quản trị.

- Giữ mối liên hệ thường xuyên trong Ban kiểm soát, giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.

\* Kết quả kiểm tra giám sát năm 2019

+ Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị :

- Hội đồng quản trị mỗi quý họp một lần và thường xuyên giám sát sự chỉ đạo của Ban điều hành Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động theo đúng Nghị quyết của Hội đồng quản trị, đảm bảo các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2019 theo đúng kế hoạch của UBND Thành phố phê duyệt.

- Hội đồng quản trị đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế, phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

+ Kết quả giám sát hoạt động của Ban điều hành Công ty:

- Trong năm 2019, Ban điều hành Công ty đã triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty, chấp hành nghiêm chỉnh chính sách và quy định của Nhà nước trong điều hành sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và chế độ chính sách cho người lao động, Ban điều hành đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế phù

hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

- Ban điều hành đã thường xuyên tổ chức các cuộc họp giao ban, thành phần gồm có đồng chí Chủ tịch Hội đồng quản trị, các đồng chí trong Ban điều hành và các đồng chí cán bộ chủ chốt của Công ty. Nội dung cuộc họp là các đơn vị báo cáo các công việc đang thực hiện, nêu ra các vướng mắc khó khăn trong điều hành quản lý sản xuất để Công ty có định hướng tháo gỡ, chỉ đạo, đôn đốc kịp thời các phòng ban, đơn vị phối hợp thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Việc chi trả thù lao cho các Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã thông qua như sau:

STT	Chức danh	Số lượng	Mức thù lao tối đa (đồng/người/tháng)	Số tháng/năm	Thành tiền (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	1	2.500.000	12	30.000.000
2	Ủy viên HĐQT	4	2.000.000	12	96.000.000
3	Trưởng BKS	1	1.500.000	12	18.000.000
4	Thành viên BKS	2	1.000.000	12	24.000.000
	<b>Tổng cộng</b>				<b>168.000.000</b>

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: *không*

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: *không*

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Trong năm 2019 Công ty đã đặt ra các kế hoạch và định hướng để tăng cường hoạt động quản trị tại Công ty như sau:

Giám sát HĐQT, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty nhằm đảm bảo tuân thủ pháp luật và quy định Công ty.

Giám sát HĐQT, Ban Giám đốc trong việc ban hành và triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ phê chuẩn.

Công ty sẽ tiến hành xây dựng và hoàn chỉnh các quy chế qui định theo hướng dẫn tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017.

- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần;
- Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát;
- Các Quy chế và quy định nội bộ khác.

Hiện nay, việc quản trị Công ty đang nghiên cứu tổ chức thực hiện theo quy định của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Luật doanh nghiệp .

Công ty đang làm tờ trình xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất để sửa đổi Điều lệ theo đúng các qui định của pháp luật.

Trong năm 2019, Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục cải thiện các quy trình làm việc cũng như thực hiện các hoạt động giám sát thông qua các hoạt động trực tiếp của các thành viên Ban Kiểm soát để đảm bảo tính tuân thủ trong hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc.

Ban Kiểm soát sẽ phối hợp chặt chẽ với ban quản lý điều hành Công ty để có những giải pháp đề xuất thích hợp và kịp thời góp phần vào sự phát triển kinh doanh và nâng cao khả năng quản trị của Công ty, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

HĐQT chú trọng tăng cường công tác quản trị Công ty theo qui định của pháp luật, Điều lệ và các quy định, quy chế của công ty ban hành. Công ty đang hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý hoạt động theo các qui định về công ty đại chúng, việc minh bạch hoá bộ máy quản lý, công bố thông tin được thực hiện đầy đủ và kịp thời theo đúng qui định. Công ty luôn chú trọng việc tiếp tục nâng cao công tác quản trị như sau:

- Rà soát và hoàn thiện tất cả các quy trình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Đào tạo nguồn nhân lực kế cận, khuyến khích và tạo điều kiện cho nhân viên Công ty nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn.
- Áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình kiểm soát, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## **VI. Báo cáo tài chính**

### *1. Ý kiến kiểm toán:*

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ trong BCTC kiểm toán năm 2019: Đến thời điểm kiểm toán, chúng tôi không thu thập được thư xác nhận số dư tại

ngày 31/12/2019 của khoản mục phải thu khách hàng với giá trị là 4.576.679.098 đồng và khoản người mua trả tiền trước với giá trị là 5.643.987.120 đồng. Chúng tôi đã áp dụng các thủ tục kiểm toán thay thế nhưng các thủ tục này không cung cấp được cho chúng tôi đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến các khoản mục này. Theo đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về các khoản mục này và ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.

2. *Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán* bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHÍNH HÀ NỘI			BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Địa chỉ: Số 9B, đường Nguyễn Hồng, P.Thành Công, Q.Ba Đình, TP.Hà Nội			Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019	
			Mẫu số B 01 - DN	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019				
			Đơn vị tính: VND	
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>17,405,112,795</b>	<b>19,097,473,486</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1.</b>	<b>7,693,093,475</b>	<b>8,249,453,398</b>
1 Tiền	111		1,693,093,475	2,249,453,398
2 Các khoản tương đương tiền	112		6,000,000,000	6,000,000,000
<b>II Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2.</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>8,516,127,685</b>	<b>8,681,340,969</b>
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	4,576,679,098	4,392,252,967
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	40,000,000	42,909,000
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	3,899,448,587	4,246,179,002
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1,091,391,991</b>	<b>1,910,801,651</b>
1 Hàng tồn kho	141	V.6.	1,091,391,991	1,910,801,651
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>104,499,644</b>	<b>255,877,468</b>
1 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11.	104,499,644	255,877,468
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>22,234,879,423</b>	<b>28,684,805,177</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5,626,900,578</b>	<b>6,076,826,332</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.8.	5,626,900,578	6,076,826,332
- Nguyên giá	222		14,391,255,949	14,391,255,949
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(8,764,355,371)	(8,314,429,617)
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.7.</b>	<b>13,107,978,845</b>	<b>13,107,978,845</b>
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		13,107,978,845	13,107,978,845
<b>V Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2.</b>	<b>3,500,000,000</b>	<b>9,500,000,000</b>
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		3,500,000,000	9,500,000,000
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>39,639,992,218</b>	<b>47,782,278,663</b>

(tiếp theo)				
				Đơn vị tính: VND
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
<b>C NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>7,009,522,103</b>	<b>15,091,375,267</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7,009,522,103</b>	<b>15,091,375,267</b>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9.	73,782,218	73,782,723
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10.	5,643,987,120	10,448,441,801
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11.	408,545,260	269,266,784
4 Phải trả người lao động	314		252,825,000	2,733,481,250
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12.	406,381,000	1,172,751,000
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13.	215,532,418	362,487,424
7 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8,469,087	31,164,285
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>32,630,470,115</b>	<b>32,690,903,396</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14.</b>	<b>32,630,470,115</b>	<b>32,690,903,396</b>
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		28,800,000,000	28,800,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		28,800,000,000	28,800,000,000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		284,452,150	284,452,150
3 Quỹ đầu tư phát triển	418		2,157,766,442	1,624,871,507
4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1,388,251,523	1,981,579,739
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		1,388,251,523	1,981,579,739
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>39,639,992,218</b>	<b>47,782,278,663</b>
Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2020				
<b>CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHÍNH HÀ NỘI</b>				
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Tổng giám đốc		
Đào Thị Ngọc Phượng	Đào Thị Ngọc Phượng	Nguyễn Đức Việt		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHÍNH HÀ NỘI			BÁO CÁO TÀI CHÍNH		
Địa chỉ: Số 9B, đường Nguyễn Hồng, P.Thành Công, Q.Ba Đình, TP.Hà Nội		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019			
				Mẫu số B 02 - DN	
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019					
				Đơn vị tính: VND	
	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	22,845,766,832	26,911,047,152
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch (10=01-02)	10		22,845,766,832	26,911,047,152
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	18,105,779,103	20,666,643,542
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch (20=10-11)	20		4,739,987,729	6,244,403,610
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	1,079,918,377	1,175,322,889
7	Chi phí tài chính	22		-	-
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8	Chi phí bán hàng	25	VI.6.	1,257,092,364	795,840,364
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6.	2,901,294,383	4,000,147,759
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		1,661,519,359	2,623,738,376
11	Thu nhập khác	31	VI.4.	530,599,139	539,299
12	Chi phí khác	32	VI.5.	188,203,827	70,282,000
13	Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		342,395,312	(69,742,701)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2,003,914,671	2,553,995,675
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8.	515,663,148	510,799,135
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1,488,251,523	2,043,196,540
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.	482.03	504.34
Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2020					
<b>CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHÍNH HÀ NỘI</b>					
Người lập biểu		Kế toán trưởng	Phó Tổng giám đốc		
Đào Thị Ngọc Phượng		Đào Thị Ngọc Phượng	Nguyễn Đức Việt		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHÍNH HÀ NỘI		BÁO CÁO TÀI CHÍNH		
Địa chỉ: Số 9B, đường Nguyễn Hồng, P.Thành Công, Q.Ba Đình, TP.Hà Nội		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019		
Mẫu số B 03 - DN				
<b>BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ</b>				
(Theo phương pháp trực tiếp)				
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019				
		Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm 2019	Năm 2018	
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	20,629,041,819	24,829,384,171
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(3,713,873,221)	(4,190,476,544)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(12,583,303,731)	(18,804,615,737)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04	-	-
5.	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(450,135,809)	(613,691,429)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2,512,306,850	993,414,453
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(13,021,982,797)	(5,105,018,316)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>20</b>	<b>(6,627,946,889)</b>	<b>(2,891,003,402)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23	-	(14,500,000,000)
2.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	6,000,000,000	15,000,000,000
3.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,079,586,966	1,205,642,577
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>30</b>	<b>7,079,586,966</b>	<b>1,705,642,577</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1,008,000,000)	(3,061,291,180)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>40</b>	<b>(1,008,000,000)</b>	<b>(3,061,291,180)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>		<b>50</b>	<b>(556,359,923)</b>	<b>(4,246,652,005)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>60</b>	<b>8,249,453,398</b>	<b>12,496,105,403</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại</b>		<b>61</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>		<b>70</b>	<b>7,693,093,475</b>	<b>8,249,453,398</b>
Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2020				
<b>CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHÍNH HÀ NỘI</b>				
Người lập biểu		Kế toán trưởng	Phó Tổng giám đốc	
Đào Thị Ngọc Phượng		Đào Thị Ngọc Phượng	Nguyễn Đức Việt	

<b>CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHÍNH HÀ NỘI</b>		<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>
Địa chỉ: Số 9B, đường Nguyễn Hồng, P.Thành Công, Q.Ba Đình, TP.Hà Nội		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
<b>Mẫu số B 09 - DN</b>		
<b>BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)</b>		
<i>(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm)</i>		
<b>I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp</b>		
<b>1. Hình thức sở hữu vốn</b>		
<p>Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Địa chính Hà Nội, theo quyết định số 4879/QĐ-UB ngày 29/09/2015 của UBND thành phố Hà Nội "Về việc chuyển Công ty TNHH MTV Địa chính Hà Nội thành Công ty cổ phần Địa chính Hà Nội", hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0100102446 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần thứ 3 ngày 19/11/2015 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cũ số 0104000463 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/08/2006).</p> <p>Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100102446 thay đổi lần thứ 3 ngày 19/11/2015 thì vốn Điều lệ của Công ty là <b>28.800.000.000 VND</b> (Hai mươi tám tỷ, tám trăm triệu đồng).</p> <p>Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã có công văn số 6592/UBCK-GSDC ngày 01/10/2017 về việc chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng của Công ty và Công văn số 21931/VSD-ĐK của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam ngày 05/12/2017 về việc cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 220/2017/GCNCP-VSD ngày 05/12/2017 và cấp mã chứng khoán cho Công ty CP Địa chính Hà Nội với mã chứng khoán là DCH.</p>		
<b>2. Lĩnh vực kinh doanh</b>		
Công ty hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ đo đạc địa chính.		
<b>3. Ngành nghề kinh doanh</b>		
<p>Đo đạc lập bản đồ địa chính, bản đồ địa hình, xác định mốc giới giao đất và các dịch vụ đo đạc chuyên ngành khác như: đo độ cao, định vị công trình, đo đạc phục vụ quy hoạch đô thị quan trắc</p> <p>Tư vấn, lập quy hoạch mặt bằng, thiết kế xây dựng hạ tầng kỹ thuật công trình, lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Tư vấn về địa chính, làm các dịch vụ liên quan tới nhà, đất trong công tác địa chính, phục vụ công tác giải phóng mặt bằng và phát triển quỹ đất;</p> <p>Điều tra phân tích đất, đánh giá tiềm năng đất, lập bản đồ đất phục vụ nhu cầu quản lý và sử dụng đất đai của Thành phố;</p> <p>Liên doanh liên kết với các pháp nhân kinh tế trong và ngoài nước liên quan đến công tác địa chính, tạo quỹ đất phục vụ các dự án phát triển đô thị của Thành phố;</p> <p>Trụ sở Công ty: Số 9B, đường Nguyễn Hồng, P.Thành Công, Q.Ba Đình, TP.Hà Nội.</p>		
<b>4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường</b>		
Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.		
<b>5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính</b>		
Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.		
<b>II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán</b>		
<b>1. Kỳ kế toán</b>		
Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.		

<b>2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán</b>			
	Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.		
<b>III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng</b>			
<b>1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng</b>			
	Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.		
<b>2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán</b>			
	Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.		
<b>IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu</b>			
<b>1. Công cụ tài chính</b>			
	<i>Ghi nhận ban đầu</i>		
	Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.		
	Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả.		
	<i>Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu</i>		
	Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.		
<b>2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền</b>			
	Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.		
	Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.		
<b>3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính</b>			
	<i>Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>		
	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.		

	<p>Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.</p>
	<p>Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu</p>
	<p>Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.</p>
<b>4.</b>	<b>Nguyên tắc kế toán nợ phải thu</b>
	<p>Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.</p>
	<p>Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:</p>
	<p>Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.</p>
	<p>Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.</p>
	<p>Tại ngày 31/12/2019, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi.</p>
<b>5.</b>	<b>Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho</b>
	<p>Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.</p>
	<p>Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.</p>
	<p>Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.</p>
	<p>Tại ngày 31/12/2019, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.</p>
<b>6.</b>	<b>Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ</b>
<b>6.1</b>	<b>Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình</b>
	<p>Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.</p>
	<p>Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.</p>

	Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.								
	Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.								
	Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.								
	Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:								
	<table border="1"> <thead> <tr> <th><i>Loại tài sản cố định</i></th> <th><i>Thời gian khấu hao (năm)</i></th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Nhà cửa vật kiến trúc</td> <td>50</td> </tr> <tr> <td>Máy móc, thiết bị</td> <td>12 - 15</td> </tr> <tr> <td>Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn</td> <td>10</td> </tr> </tbody> </table>	<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>	Nhà cửa vật kiến trúc	50	Máy móc, thiết bị	12 - 15	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10
<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>								
Nhà cửa vật kiến trúc	50								
Máy móc, thiết bị	12 - 15								
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10								
<b>7.</b>	<b>Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>								
	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là khu Văn phòng tại Dịch Vọng, được ghi nhận theo giá gốc.								
<b>8.</b>	<b>Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả</b>								
	Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ.								
	Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:								
	Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.								
	Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.								
<b>9.</b>	<b>Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả</b>								
	Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí hoa hồng khách hàng, chi phí hội nghị và các chi phí vật tư, điện nước, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo và các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa ghi nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh ở kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả.								
	Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.								
<b>10.</b>	<b>Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu</b>								
	Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.								
	Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.								



	<p>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.</p>
	<p>Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.</p>
	<p>Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.</p>
<b>11.</b>	<b>Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập</b>
	<p>Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ đo đạc địa chính và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.</p>
	<p><b><i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i></b></p>
	<p>Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn</p>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán; và</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ</li> </ul>
	<p><b><i>Doanh thu tiền lãi</i></b></p>
	<p>Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.</p>
<b>12.</b>	<b>Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác</b>
<b>12.1</b>	<b>Các nghĩa vụ về thuế</b>
	<p><b><i>Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)</i></b></p>
	<p>Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 0% đối với các lô hàng xuất khẩu, 10% đối với các lô hàng khác.</p>
	<p><b><i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i></b></p>
	<p>Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.</p>
	<p>Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc</p>
	<p>Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.</p>
	<p>Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.</p>

<b>Thuế khác</b>				
Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.				
<b>V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán</b>				
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>				
			<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tiền</b>			<b>1,693,093,475</b>	<b>2,249,453,398</b>
Tiền mặt			485,766,218	14,213,310
Tiền gửi ngân hàng			1,207,327,257	2,235,240,088
<b>Các khoản tương đương tiền</b>			<b>6,000,000,000</b>	<b>6,000,000,000</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ba Đình			6,000,000,000	6,000,000,000
<b>Cộng</b>			<b>7,693,093,475</b>	<b>8,249,453,398</b>
<b>2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
			<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
			<b>Giá trị</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>
			<b>Giá trị</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>
<b>Dài hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	3,500,000,000	3,500,000,000	9,500,000,000	9,500,000,000
<b>Cộng</b>	<b>3,500,000,000</b>	<b>3,500,000,000</b>	<b>9,500,000,000</b>	<b>9,500,000,000</b>
(*) Là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 24 tháng tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình, lãi suất theo từng hợp đồng tiền gửi cụ thể.				
<b>3. Phải thu của khách hàng</b>				
			<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
			<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
			<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
<b>Ngắn hạn</b>				
Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội	907,174,700	-	663,743,900	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn HATECO	332,925,000	-	-	-
Công ty Điện lực Ba Đình	277,593,067	-	-	-
Trường đại học văn hoá nghệ thuật Quân	180,603,000	-	-	-
Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà	-	-	680,592,236	-
Các đối tượng khác	2,878,383,331	-	3,047,916,831	-
<b>Cộng</b>	<b>4,576,679,098</b>	<b>-</b>	<b>4,392,252,967</b>	<b>-</b>

4. Trả trước cho người bán		31/12/2019		01/01/2019	
		VND		VND	
<i>Ngắn hạn</i>					
	Công ty CP Nước và Công nghệ Môi trường		40,000,000		40,000,000
	Công ty CP BKAV		-		2,909,000
	<b>Cộng</b>		<b>40,000,000</b>		<b>42,909,000</b>
5. Phải thu khác					
		31/12/2019		01/01/2019	
		VND		VND	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>					
	Tạm ứng	3,285,529,000	-	3,857,674,000	-
	<i>Xi nghiệp số 1</i>	1,099,000,000	-	571,610,000	-
	<i>Xi nghiệp số 2</i>	369,733,000	-	841,867,000	-
	<i>Xi nghiệp số 3</i>	653,800,000	-	959,350,000	-
	<i>Xi nghiệp số 4</i>	528,200,000	-	642,200,000	-
	<i>Xi nghiệp số 5</i>	338,700,000	-	336,930,000	-
	<i>Phòng ban khác</i>	296,096,000	-	505,717,000	-
	Ký cược, ký quỹ	274,173,375	-	137,014,277	-
	Phải thu khác	139,404,500	-	-	-
	<i>Công ty CP Tập đoàn đầu tư xây</i>	139,404,500	-	-	-
	Dư nợ TK 338	200,341,712	-	251,490,725	-
	<i>Các đối tượng khác</i>	200,341,712	-	251,490,725	-
	<b>Cộng</b>	<b>3,899,448,587</b>	<b>-</b>	<b>4,246,179,002</b>	<b>-</b>
6. Hàng tồn kho					
		31/12/2019		01/01/2019	
		VND		VND	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1,091,391,991	-	1,910,801,651	-
	<b>Cộng</b>	<b>1,091,391,991</b>	<b>-</b>	<b>1,910,801,651</b>	<b>-</b>
7. Tài sản dở dang dài hạn					
	<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</i>			31/12/2019	01/01/2019
				VND	VND
	Khu Văn phòng tại Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội			13,107,978,845	13,107,978,845
	<b>Cộng</b>			<b>13,107,978,845</b>	<b>13,107,978,845</b>

<b>8. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình</b>				
				Đơn vị tính: VND
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư ngày 01/01/2019	8,135,272,727	4,338,273,265	1,917,709,957	14,391,255,949
Mua trong năm	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2019	8,135,272,727	4,338,273,265	1,917,709,957	14,391,255,949
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư ngày 01/01/2019	2,937,613,597	3,788,872,219	1,587,943,800	8,314,429,617
Khấu hao trong năm	162,705,456	150,056,550	137,163,748	449,925,754
Số dư ngày 31/12/2019	3,100,319,053	3,938,928,769	1,725,107,548	8,764,355,371
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2019	5,197,659,130	549,401,046	329,766,157	6,076,826,332
Tại ngày 31/12/2019	5,034,953,674	399,344,496	192,602,409	5,626,900,578
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.004.370.494 VND (tại ngày 31/12/2018: 1.499.584.173 VND)				
<b>9. Phải trả người bán</b>				
	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty CP Kiến trúc xây dựng	73,782,218	73,782,218	73,782,723	73,782,723
<b>Cộng</b>	<b>73,782,218</b>	<b>73,782,218</b>	<b>73,782,723</b>	<b>73,782,723</b>
<b>10. Người mua trả tiền trước</b>				
			31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>				
BQL Đường sắt đô thị Hà Nội (MRB)			236,000,000	771,589,000
Công ty CP Quốc tế công trình Việt Nam			-	780,000,000
Tập đoàn GELEXIMCO- Công ty CP			-	604,885,000
Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 5 - Công ty CP			421,709,400	421,709,400
Công ty TNHH Xây dựng công trình Hoàng Hà			1,426,000,000	-
Các đối tượng khác			3,560,277,720	7,825,000,401
<b>Cộng</b>			<b>5,643,987,120</b>	<b>10,448,441,801</b>

<b>11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>				
				<i>Đơn vị tính:</i> <b>VND</b>
	<b>01/01/2019</b>	<b>Số phải nộp trong năm</b>	<b>Số đã thực nộp trong năm</b>	<b>31/12/2019</b>
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế GTGT đầu ra	173,467,649	2,277,790,299	2,204,039,162	247,218,786
Thuế thu nhập doanh nghiệp	95,799,135	515,663,148	450,135,809	161,326,474
Thuế nhà đất, tiền thuê	-	94,846,092	94,846,092	-
Các loại thuế khác	-	3,000,000	3,000,000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	68,505,116	68,505,116	-
<b>Cộng</b>	<b>269,266,784</b>	<b>2,959,804,655</b>	<b>2,820,526,179</b>	<b>408,545,260</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	255,877,468	336,416,654	185,038,830	104,499,644
<b>Cộng</b>	<b>255,877,468</b>	<b>336,416,654</b>	<b>185,038,830</b>	<b>104,499,644</b>
<b>12. Chi phí phải trả</b>				
			<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>				
Trích trước chi phí hoa hồng khách hàng			226,800,000	697,870,000
Trích trước chi phí vật tư, xăng, điện thoại			179,581,000	474,881,000
<b>Cộng</b>			<b>406,381,000</b>	<b>1,172,751,000</b>
<b>13. Phải trả khác</b>				
			<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>				
Kinh phí công đoàn			14,493,000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác.			201,039,418	362,487,424
<b>Cộng</b>			<b>215,532,418</b>	<b>362,487,424</b>
<b>14. Vốn chủ sở hữu</b>				
<b>14.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu</b>				<i>Đơn vị tính: VND</i>
<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
Số dư tại ngày 31/12/201	28,800,000,000	284,452,150	3,061,149,851	32,145,602,001
Lãi trong năm trước	-	-	2,043,196,540	2,043,196,540
Phân phối các quỹ (*)	-	-	(150,000,000)	(150,000,000)
Chi trả cổ tức (*)	-	-	(3,061,291,180)	(3,061,291,180)

Tăng khác (**)	-	-	88,524,528	88,524,528
Số dư tại ngày 31/12/201	28,800,000,000	284,452,150	1,981,579,739	31,066,031,889
Lãi trong năm nay	-	-	1,488,251,523	1,488,251,523
Phân phối các quỹ (***)	-	-	(973,579,739)	(973,579,739)
Chi trả cổ tức (***)	-	-	(1,008,000,000)	(1,008,000,000)
Giảm khác(****)	-	-	(100,000,000)	(100,000,000)
Số dư tại ngày 31/12/201	28,800,000,000	284,452,150	1,388,251,523	30,472,703,673
(*) Chia cổ tức và tạm phân phối các quỹ trong năm 2018 theo Nghị quyết số 04-2018/NQ-HĐQT ngày 14/09/2018.				
(**) Tăng khác của Công ty là các khoản giảm chi phí không được trừ năm trước.				
(***) Chia cổ tức và tạm phân phối các quỹ trong năm 2019 theo Nghị quyết số 01/NQ-DHĐCĐ ngày 10/05/2019.				
(****) Giảm khác là khoản tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ Lợi nhuận sau thuế năm 2019.				
<b>14.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>				
			<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn nhà nước			15,611,000,000	15,611,000,000
Các cổ đông khác			13,189,000,000	13,189,000,000
<b>Cộng</b>			<b>28,800,000,000</b>	<b>28,800,000,000</b>
<b>14.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>				
			<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>				
Vốn góp đầu năm			28,800,000,000	28,800,000,000
Vốn góp tăng trong năm			-	-
Vốn góp giảm trong năm			-	-
Vốn góp cuối năm			28,800,000,000	28,800,000,000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>			<b>1,008,000,000</b>	<b>3,061,291,180</b>
<b>14.4 Cổ phiếu</b>				
			<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
			<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành			2,880,000	2,880,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng			2,880,000	2,880,000
- Cổ phiếu phổ thông			2,880,000	2,880,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành			2,880,000	2,880,000
- Cổ phiếu phổ thông			2,880,000	2,880,000
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu				
<b>14.5 Các quỹ của công ty</b>				
				Đơn vị tính: VND
<b>Khoản mục</b>	<b>01/01/2019</b>	<b>Tăng trong năm</b>	<b>Giảm trong năm</b>	<b>31/12/2019</b>
Quỹ đầu tư phát triển	1,624,871,507	532,894,935	-	2,157,766,442
<b>Cộng</b>	<b>1,624,871,507</b>	<b>532,894,935</b>	<b>-</b>	<b>2,157,766,442</b>

<b>*) Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp</b>			
- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.			
<b>VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2017</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Doanh thu</i>			
Doanh thu cung cấp dịch vụ		22,845,766,832	26,911,047,152
<b>Cộng</b>		<b>22,845,766,832</b>	<b>26,911,047,152</b>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		18,105,779,103	20,666,643,542
<b>Cộng</b>		<b>18,105,779,103</b>	<b>20,666,643,542</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi ký quỹ		1,079,918,377	1,175,322,889
<b>Cộng</b>		<b>1,079,918,377</b>	<b>1,175,322,889</b>
<b>4. Thu nhập khác</b>		<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Xử lý công nợ		528,757,711	-
Thu nhập khác		1,841,428	539,299
<b>Cộng</b>		<b>530,599,139</b>	<b>539,299</b>
<b>5. Chi phí khác</b>		<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		60,000,000	60,600,000
Tiền phạt, truy thu thuế		128,203,827	-
Chi phí khác		-	9,682,000
<b>Cộng</b>		<b>188,203,827</b>	<b>70,282,000</b>
<b>6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</i>		<i>1,257,092,364</i>	<i>795,840,364</i>
Chi phí nhân viên		264,542,000	-
Chi phí khấu hao TSCĐ		68,650,364	68,650,364

Chi phí dịch vụ mua ngoài	923,900,000	697,870,000
Chi phí bằng tiền khác	-	29,320,000
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong n</b>	<b>2,901,294,383</b>	<b>4,000,147,759</b>
Chi phí nhân viên quản lý	1,674,264,044	2,143,261,481
Chi phí vật liệu quản lý	36,232,731	-
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	231,218,839	285,826,087
Thuế, phí và lệ phí	6,228,194	109,262,873
Chi phí dịch vụ mua ngoài	419,354,433	406,515,239
Chi phí bằng tiền khác	533,996,142	1,055,282,079
<b>Cộng</b>	<b>4,158,386,747</b>	<b>4,795,988,123</b>
<b>7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1,151,447,331	1,399,527,610
Chi phí nhân công	17,229,967,083	19,237,505,324
Chi phí khấu hao tài sản cố định	449,925,754	608,029,024
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,345,287,645	1,331,657,966
Chi phí khác bằng tiền	909,924,336	2,255,778,513
<b>Cộng</b>	<b>22,086,552,149</b>	<b>24,832,498,437</b>
<b>8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	2,003,914,671	2,553,995,675
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	188,203,827	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	2,192,118,498	2,553,995,675
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	438,423,700	510,799,135
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	77,239,448	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	515,663,148	510,799,135
<b>9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1,488,251,523	2,043,196,540
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(100,000,000)	(590,684,804)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(100,000,000)	(590,684,804)
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(100,000,000)	(590,684,804)
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	-	-



Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1,388,251,523	1,452,511,736	
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2,880,000	2,880,000	
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	482.03	504.34	
(*) Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 từ lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp là số liệu Công ty tạm trích.			
(*) Giá trị Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 là số liệu thực tế Công ty đã trích theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 10/05/2019.			
(**) Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của việc thay đổi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/05/2019, cụ thể như sau:			
	<b>Năm 2018</b>	<b>Số điều chỉnh</b>	<b>Năm 2018</b>
	<b>Số trước điều chỉnh</b>		<b>chỉnh</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	2,043,196,540	-	2,043,196,540
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(150,000,000)	(440,684,804)	(590,684,804)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>			
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	(150,000,000)	(440,684,804)	(590,684,804)
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(150,000,000)	(440,684,804)	(590,684,804)
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	-	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông			
+ Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	2,880,000	-	2,880,000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	657.36	-	504.34
<b>VIII Những thông tin khác</b>			
<b>1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm</b>			
Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.			
<b>2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan</b>			
Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.			
<b>Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt</b>			
Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:			
	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>	
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	
Lương, thưởng	1,064,833,268	1,117,430,941	
<b>Cộng</b>	<b>1,064,833,268</b>	<b>1,117,430,941</b>	

<b>3. Công cụ tài chính</b>			
<b>Quản lý rủi ro vốn</b>			
Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.			
Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối)			
<i>Hệ số đòn bẩy tài chính</i>			
Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:			
<b>Công nợ tài chính</b>		<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản vay		-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền		7,693,093,475	8,249,453,398
Nợ thuần		(7,693,093,475)	(8,249,453,398)
Vốn chủ sở hữu		32,630,470,115	32,690,903,396
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu		0%	0%
<b>Các chính sách kế toán chủ yếu</b>			
Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV.			
<b>Các loại công cụ tài chính</b>			
		<b>Giá trị ghi sổ</b>	
		<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền		7,693,093,475	8,249,453,398
Phải thu khách hàng và phải thu khác		8,476,127,685	8,638,431,969
Các khoản đầu tư tài chính		3,500,000,000	9,500,000,000
<b>Tổng cộng</b>		<b>19,669,221,160</b>	<b>26,387,885,367</b>
<b>Công nợ tài chính</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác		289,314,636	436,270,147
Chi phí phải trả		406,381,000	1,172,751,000
<b>Tổng cộng</b>		<b>695,695,636</b>	<b>1,609,021,147</b>
Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.			

<b>Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính</b>				
<p>Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của</p> <p>Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.</p>				
<b>Rủi ro thị trường</b>				
<p>Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.</p>				
<b>Rủi ro tín dụng</b>				
<p>Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.</p>				
<b>Quản lý rủi ro thanh khoản</b>				
<p>Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.</p> <p>Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.</p>				
		<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1- 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>12/31/2019</b>		<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	289,314,636	-	289,314,636	
Chi phí phải trả	406,381,000	-	406,381,000	
		<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1- 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>01/01/2019</b>		<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	436,270,147	-	436,270,147	
Chi phí phải trả	1,172,751,000	-	1,172,751,000	
<p>Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.</p> <p>Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.</p>				

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
<b>12/31/2019</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7,693,093,475	-	7,693,093,475
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8,476,127,685	-	8,476,127,685
Các khoản đầu tư tài chính	-	3,500,000,000	3,500,000,000
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
<b>01/01/2019</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8,249,453,398	-	8,249,453,398
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8,638,431,969	-	8,638,431,969
Các khoản đầu tư tài chính	-	9,500,000,000	9,500,000,000
<b>4. Thông tin so sánh</b>			
Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty CP Địa chính Hà Nội đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.			
<i>Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2020</i>			
<b>CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHÍNH HÀ NỘI</b>			
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Tổng giám đốc	
Đào Thị Ngọc Phượng	Đào Thị Ngọc Phượng	Nguyễn Đức Việt	

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**  
**CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE**



*Nguyễn Đức Hào*